

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày 16 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Cần Giuộc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng **22.672,76** kg/năm, cụ thể:

Stt	Thành phần rác thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải có các thành phần nguy hại (phân bón rơi vãi)	02 10 01	Rắn	KS	500
2	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực in)	08 02 04	Rắn	KS	5
3	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	12 01 03	Rắn	NH	20
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	10 02 03	Bùn	KS	1.022,76
5	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	Rắn	KS	100
6	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06	Rắn	KS	200
7	Hóa chất nông nghiệp thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng có gốc halogen hữu cơ	14 01 07	Rắn	NH	500
8	Bóng đèn huỳnh quang hỏng và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	5

Stt	Thành phần rác thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	50
11	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	Rắn	KS	120
12	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	150
13	Các loại chất thải có thành phần nguy hại vô cơ (bột đá vôi vệ sinh nhà xưởng)	19 12 01	Rắn	KS	20.000
Tổng khối lượng phát sinh					22.672,76

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 51 kg/tháng, cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dây đai, thùng carton thải	18 01 05	Rắn	TT-R	10
2	Bao nilon, bao bì thải không dính các thành phần nguy hại	14 01 15	Rắn	TT	20
3	Giấy văn phòng thải	12 08 03	Rắn	TT-R	21
Tổng khối lượng phát sinh					51

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 11,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng PVC loại 80-120 lít màu vàng có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có nền bê tông chống thấm, mái che, tường bao quanh; có gờ chắn, rãnh; có biển cảnh báo phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa PVC dung tích 120 lít có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có nền bê tông chống thấm, mái che, tường bao quanh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa PVC dung tích 20-50 lít có nắp đậy được bố trí tại khu vực văn phòng, nhà vệ sinh của dự án sau đó tập trung vào các thùng rác loại 240 lít có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có nền bê tông chống thấm, mái che, tường bao quanh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

- Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải và bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.